

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 46

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già

Phẩm 17/3: Bồ Đề Phần

Lại có bốn thứ pháp Ớt-đà-nam (tụng), chư Phật Bồ tát vì muốn khiến cho hữu tình thanh tịnh nên thuyết giảng. Những gì gọi là bốn?

Tất cả các hành đều là vô thường. Đó gọi là pháp Ớt-đà-nam thứ nhất.

Tất cả các hành thấy đều là khổ. Đó gọi là pháp Ớt-đà-nam thứ hai.

Tất cả các hành đều không có ngã. Đó gọi là pháp Ớt-đà-nam thứ ba.

Niết bàn tịch tĩnh. Đó gọi là pháp Ớt-đà-nam thứ tư.

Chư Phật Bồ tát, phần nhiều vì hữu tình nên tuyên thuyết pháp, nghĩa tương ứng như thế. Do đó gọi là pháp Ớt-đà-nam.

Lại, từ nơi xa xưa, các bậc Mâu-ni-tôn, tâm luôn tịch tĩnh, nơi tất cả thời lần lượt tuyên thuyết. Vì thế gọi đấy là Ớt-đà-nam.

Lại, nẻo hành này có thể hướng tới sự sanh lớn. Cũng lại có thể hướng tới, xuất phát hữu thứ nhất. Do đó gọi đấy là Ớt-đà-nam.

- Thế nào là Bồ tát cùng tùy quan sát tất cả các hành đều là vô thường?

Nghĩa là các Bồ tát quán tự tánh ngôn thuyết của tất cả hành, nơi hết thấy thời thường không thật có. Các hành như vậy thường không thể thủ đắc, nên gọi là vô thường.

Lại, tức quán các sự lìa ngôn thuyết kia, do không nhận biết rõ chỗ chân thật của chúng, nên không biết là nhân sanh diệt có thể thủ đắc. Các hành như thế, tự tánh lìa ngôn thuyết, có sanh có diệt, nên gọi

là vô thường.

Lại, các Bồ tát quán hành quá khứ đã sanh đã biệt. Do các hành kia không nhân có thể thủ đắc, cũng không tự tánh, vì thế, quán tánh của nhân ấy, tự tánh đều không thật có. Quán hành hiện tại đã sanh chưa diệt. Do nhân của các hành kia không thể thủ đắc đã cùng với quả, tự tánh có thể thủ đắc do chưa diệt. Ví thế quán tự tánh của chúng là có mà không có nhân. Quán hành vị lai chưa sanh chưa diệt. Do các hành kia sanh, vì thế quán chúng chỉ có tánh nhân mà không tự tánh. Bồ tát thấy rõ phần đoạn các hành trong ba đời nối tiếp chuyển biến như thế rồi, cùng tùy quán thấy rõ mỗi mỗi sát na nơi các hành hữu vi đều có ba thứ tướng hữu vi, nơi sát-na sau lại có tướng hữu vi thứ bốn. Tức ở trong ấy hành của sát-na trước, tự tánh diệt mất, không gián đoạn, nên chẳng phải là trước. Các sát-na của hành, tự tánh sinh khởi, chánh quán là sanh. Các hành sanh rồi, tức thời chưa hoại, chánh quán là trụ. Hành đã sanh ấy, đối chiếu với các hành đã diệt ở trước, tự tánh của sát-na dị biệt, chánh quán là già. Từ các hành này sanh sát-na sau, tức các hành đã sanh ấy, tự tánh của sát na diệt mất, chánh quán là diệt. Bồ tát quán tự tánh của sát na nơi các hành đã sanh ấy, tức là tự tánh của sanh, trụ, lão, không thấy sanh... riêng có tự tánh. Quán thấy như thật sát na sau sanh, tức sát na của các hành như sanh... tự tánh diệt mất, nên không có tánh riêng. Bốn thứ tướng hữu vi như vậy thấu tóm chung các hành. Nói tóm lại, có hai phần được hiển bày:

1. Phần có được hiển bày.
2. Phần không có được hiển bày.

Ở đây, Đức Thế Tôn dựa nơi phần có để kiến lập một loại tướng hữu vi. Dựa nơi phần không để kiến lập tướng hữu vi thứ hai. Hai thứ trụ, dị cùng là phần có được hiển bày của các hành kiến lập tướng hữu vi thứ ba. Trong ấy, Bồ tát quán tất cả thời chỉ có các hành, trừ đấy ra, lại không có sanh trụ lão di diệt, thường có vật thật tự tánh thành tựu, vì sao? Vì các hành khi sanh chỉ tức là các hành có thể thủ đắc như thế, không có riêng sanh trụ lão di diệt khác. Như vậy, các hành lúc trụ lão di diệt, chỉ tức là các hành có thể thủ đắc như thế, không riêng có sanh trụ lão di diệt khác. Lại, các Bồ tát dùng lý suy cầu vật thật như sanh..., cũng không thể thủ đắc. Suy cầu không thể thủ đắc như vậy, tức là nếu lìa các hành như sắc kia... là có sanh. Như vậy, sanh ấy cũng phải có sanh. Như thế tức nên có hai thứ sanh:

1. Sanh của hành.
2. Sanh của sanh.

- Sanh của hành như thế cùng với sanh kia là một hay là khác?

Nếu nói là một, nếu cho là một: Là chấp sanh thật có, tức là dư đối, vì nói riêng có sanh, là vật thật có, tức không hợp đạo lý. Nếu bảo là khác, như vậy tức nên không phải là hành sanh của sanh. Vì hành sanh của sanh ấy không hợp đạo lý.

Như nói về tướng sanh, thì nói rộng về tướng trụ, lão, diệt, nên biết cũng vậy, nghĩa là, nếu pháp diệt riêng có tự tánh là thành tựu thật, tức nên diệt ấy có sanh có diệt. Nếu khi diệt sanh, tất cả các hành đều nên đồng diệt. Như thế, tức nên dùng ít công sức, như nhập định diệt, các tâm, tâm sở hết thấy đều diệt. Nếu lúc diệt diệt, tất cả các hành tuy đều đã diệt lại nên sanh trở lại, do diệt không. Vì thế nói diệt là có sanh có diệt, là không hợp đạo lý.

Lại, các thiện nam hoặc các thiện nữ, nơi tất cả thời luôn có vật thật, tự tánh thành tựu, quán là giả có, nhưng có thể tu chán lìa dục, đạt giải thoát, là không hợp đạo lý. Cùng với đấy trái ngược là hợp với đạo lý. Do hành tướng này, các Bồ tát ấy nhận biết rõ như thật, tất cả các hành đều là vô thường.

Lại, các Bồ tát, lúc quán hành vô thường nối tiếp mà chuyển, có thể làm chỗ dựa của ba thứ khổ:

1. Hành khổ.
2. Hoại khổ.
3. Khổ khổ.

Như thế là Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật tất cả các hành thấy đều là khổ.

Lại, các Bồ tát nhận biết rõ như thật về tất cả các pháp hữu vi, vô vi, có hai tánh vô ngã:

1. Tánh vô ngã của Bồ-đặc-già-la.
2. Tánh vô ngã của Pháp.

Tánh vô ngã của Bồ-đặc-già-la ở trong các pháp: Nghĩa là không phải tức pháp có, là Bồ-đặc-già-la có chân thật. Cũng không phải là pháp có, là riêng có Bồ-đặc-già-la chân thật, ở trong các pháp, tánh của pháp là vô ngã: Nghĩa là ở trong tất cả sự ngôn thuyết, hết thấy ngôn thuyết, tự tánh nơi các pháp đều không thật có. Như vậy các Bồ tát nhận biết rõ như thật: Tất cả các pháp đều không có ngã.

Lại, các Bồ tát quán tất cả hành, trước là nhân vĩnh viễn đoạn dứt, nên sau là diệt rốt ráo. Ngoài ra, rốt ráo không khởi không sanh, gọi là Niết bàn. Nên biết Niết bàn, về thể đã tịch tĩnh. Hết thấy các khổ đều rốt ráo dứt trừ, hết thấy phiền não đều rốt ráo diệt, đoạn. Như thế là

Bồ tát chưa đạt được ý lạc thanh tịnh tăng thượng, các thanh văn thừa chưa thấy thánh đế tuy đối với Niết bàn phát khởi thắng giải, như vậy nên nói Niết bàn tịch tĩnh, nhưng đối với Niết bàn chưa lãnh hội đúng như thật, chưa thể trí kiến chuyển biến đúng đắn như thật. Tuy nhiên các vị kia cũng có tác ý như lý. Ví như con vua hoặc con trưởng giả, sanh ra lớn lên chưa ra khỏi vương cung, nội thất của trưởng giả. Vua và trưởng giả đều vì con trẻ của mình, giả tạo ra đủ các vật dụng vui chơi như xe hươu, xe bò, xe ngựa, xe voi để ban cho con. Bây giờ, con vua và con trưởng giả dùng các thứ ấy để vui chơi thỏa thích, tức đối với những hươu bò ngựa voi được giả tạo ra đó phát khởi tưởng chân thật về hươu, bò, ngựa, voi. Về sau, một thời, vua và trưởng giả đều nhận biết con mình đã lớn dần, các căn thành thực, bèn nêu bày khen ngợi các loài vật Hươu, Bò, Ngựa, Voi chân thật. Lúc này, con vua và con trưởng giả nghe cha mình nói, khen như thế, liền nghĩ: Hôm nay vua cha cùng trưởng giả cha lại nêu bày khen ngợi không phải là bốn thứ xe Hươu, Bò, Ngựa, Voi hiện có của chúng ta.

Lại về thời gian sau, vua cùng trưởng giả đều nhận biết con mình đã thực sự khôn lớn, nên từ trong cung thất dẫn ra bên ngoài dạo chơi, chỉ cho con thấy các loài Hươu, Bò, Ngựa, Voi thật sự. Khi ấy hai người con thấy rồi, bên trong tự phát sanh huệ giải như thật. Đây là thứ xe Hươu, xe Bò, xe Ngựa, xe Voi thật nghĩa. Hai cha mình ngày đêm luôn vì chúng ta nêu bày tán thán về sự việc này, nhưng chỉ vì chúng ta không trí, nên đối với vật không như thật, chỉ là tương trợ, chỉ là ảnh tượng, lại phát khởi thắng giải chân thật. Do nhân duyên ấy nên đối với thắng giải trước, nhớ lại và dấy khởi trở thẹn. Như thế, cung thất là dụ cho ở nơi sanh tử. Nơi chốn sanh ra, nuôi dưỡng hai cậu bé là dụ cho Bồ tát chưa chứng đắc ý lạc thanh tịnh tăng thượng, cùng các thanh văn thừa chưa thấy đế. Hai người cha là dụ cho chư Phật cùng Bồ tát chứng nhập đại địa. Trước vì các con giả tạo ra các xe như xe Hươu, xe Bò, xe Ngựa, xe Voi... là dụ cho việc vì hành giả tuyên thuyết về tướng thô của Niết bàn. Tiếp sau vì họ nói, khen về các thứ xe Hươu... chân thật là dụ cho Phật, Bồ tát tự hiện chứng, thấy rõ Niết bàn chân thật. Như chỗ thấy rõ đối trước Bồ tát cùng thanh văn kia, nêu bày tán thán về công đức chân thật của Niết bàn. Các dụ còn lại các vị kia đã nghe cho nên chỉ dùng thuận theo âm thanh nơi giác huệ, đối với đức của Niết bàn ngày đêm thắng giải. Hoặc vào lúc ấy, tư lương thành thực, lần lượt tăng trưởng thành ý lạc tịnh tăng thượng. Bồ tát thấy đế, thanh văn đối với Niết bàn chân thật sanh trí hiện chứng. Tức bây giờ, từ nội tâm phát sanh huệ giải

như thật về Niết bàn như thế. Hết thầy thanh văn, độc giác đã chứng. Chư Phật Bồ tát, trước đã nêu bày tán thán. Chúng ta trước do huệ giải của kẻ ngu, nơi sự vật không như thật, chỉ là tương tự, chỉ là ảnh tượng, lại phát khởi thắng giải về Niết bàn chân thật, do nhân duyên ấy, nên đối với thắng giải trước cảm thấy xấu hổ, tức nương dựa nơi thắng giải như thật ở sau.

Lại như người bệnh đi tới chỗ thầy thuốc giỏi. Vì nhằm dứt trừ bệnh nên cầu được thuốc thích hợp, được rồi luôn dùng. Người bệnh đối với thuốc ấy, sanh khởi giải thắng sâu xa, sinh sự yêu thích hết mực, chỉ thấy thuốc ấy là thật. Do nhân duyên này, bệnh trước dứt khỏi. Lại khởi bệnh khác, cần uống thứ thuốc khác. Lúc này, vị lương y nhận biết bệnh trước đã dứt, bệnh sau lại sanh, lại cần thứ thuốc khác, nên khuyên người bệnh bỏ thuốc trước, khiến uống thuốc khác. Người bệnh do ngu si không nhận biết, đối với thuốc được dùng lần trước, sanh tin tưởng sâu xa, khởi tưởng cho là thích hợp, không chịu bỏ đi. Khi đó, vị đại lương y vì kẻ bệnh kia nói rõ về tánh của thuốc trước sau. Đối với bệnh hiện có, thuốc trước không còn thích hợp. Thuốc sau mới là đúng thuốc nên dùng. Người bệnh tuy nghe lời nói của thầy thuốc nhưng không sanh thắng giải, vẫn chưa tin sâu lời giải thích của vị lương y.

Như thế, người bệnh là dụ cho các phàm phu, Bồ tát, thanh văn bị sự chấp giữ của bệnh phiền não. Đại lương y là dụ cho chư Như lai. Các thứ thuốc hay... là dụ cho việc tuyên thuyết các thứ giáo pháp, để chỉ dạy trao truyền khuyên bảo hoặc thượng thắng cùng cao vời tốt bậc, hoặc thâm diệu, thù thắng cùng sâu xa hết mực, hoặc kém hoặc hơn cùng rất thù thắng. Các hạng kia tuy được nghe rồi nhưng không thể ngộ nhập, không sanh thắng giải, không thể tu tập pháp tùy pháp hành.

Các Bồ tát, thanh văn có sự tin tưởng thanh tịnh, đối với pháp Phật thuyết giảng không sanh nghi hoặc. Nhân nơi Phật nêu giảng dụ như chiến xa trang nghiêm đẹp đẽ, tất cả các chi đều hoàn toàn viên mãn. Người hành hoá pháp vô thượng như người khéo điều khiển xe, theo chỗ đất đi qua tùy chỗ nên đến, mau chóng tiến tới, không hề bị trở ngại.

Phần Bản Địa – Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già.

Phẩm 18: Công Đức của Bồ Tát

- Thế nào là công đức hiện có của Bồ tát?

Tụng nêu:

*Diệu kỳ, không diệu kỳ
Tâm bình đẳng, lợi ích
Báo ân cùng vui khen
Tánh gia hạnh không đối.*

Nghĩa là các Bồ tát, đối với thừa chánh đẳng giác vô thượng, lúc riêng năng tu học, nên biết có năm pháp hết sức kỳ lạ, ít có. Những gì là năm?

1. Đối với các hữu tình, không nhân duyên mà sanh thân ái.
2. Chỉ vì tạo lợi ích cho các hữu tình, nên thường ở nơi sanh tử nhân chịu vô lượng khổ.
3. Đối với các hữu tình nhiều phiền não khó chế ngự, khéo có thể tạo phương tiện hiểu rõ, điều phục.
4. Đối với nghĩa lý chân thật hết sức khó lãnh hội, có thể tùy thuận ngộ nhập.
5. Gồm đủ đại uy thần lực không thể nghĩ bàn.

Năm thứ pháp hết sức kỳ diệu, Bồ tát hiện có như thế là không chung với tất cả hữu tình khác.

Lại, các Bồ tát thành tựu năm thứ pháp không kỳ diệu, nhưng gọi là thành tựu pháp kỳ diệu. Những gì là năm?

Nghĩa là các Bồ tát do nhân khổ của hành lợi tha, tức xem là an lạc của chính mình, vì thế Bồ tát luôn thọ nhận khắp nhân khổ của hành lợi tha. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ một, nhưng gọi là thành tựu pháp rất kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy khéo nhận biết rõ về lỗi lầm của sanh tử cùng công đức của Niết bàn, nhưng mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an lạc của chính mình. Vì thế, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh, nên thệ nguyện thọ nhận sinh tử. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ hai, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy khéo nhận biết rõ về vị an lạc của tĩnh lặng, nhưng vì mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an lạc của chính mình. Do đó, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình tăng thượng nên luôn siêng năng tạo phương tiện vì họ thuyết giảng chánh pháp. Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh, nên thệ nguyện thọ nhận sinh tử. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ ba, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy tích tập thiện căn hiện có của sáu Ba-la-mật-đa, nhưng vì mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an

lạc của chính mình. Do vậy, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh nên dùng ý lạc thanh tịnh bố thí cho các hữu tình mà không mong cầu di thực của quả thí. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ tư, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát lấy sự việc lợi tha xem là sự việc tư lợi. Do đó, Bồ tát luôn hiện thọ hành sự việc tạo lợi ích cho tất cả hữu tình. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ năm, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên biết là đối khắp hết thảy hữu tình tâm luôn bình đẳng. Đó là:

1. Bồ tát đầu tiên phát tâm, nguyện đạt đạo quả Bồ đề. Như vậy cũng là tạo lợi ích cho tất cả hữu tình, nên khởi tâm bình đẳng.

2. Bồ tát đối với các hữu tình luôn trụ nơi sự thương xót cùng hiện hành với tâm bình đẳng.

3. Bồ tát đối với các hữu tình, thâm tâm phát khởi sự yêu thương như một con cùng hiện hành ở tâm bình đẳng.

4. Bồ tát từ nơi các duyên đã sanh các hành, nhận biết sự việc của hữu tình nghĩ tưởng ấy rồi, biết rõ pháp tánh hiện có của một hữu tình, tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, do pháp bình đẳng cùng với tâm hiện hành, nên đối với các hữu tình trụ nơi tâm bình đẳng.

5. Bồ tát như ở nơi một hữu tình hành hạnh tạo lợi ích, thì đối với tất cả hữu tình hành hạnh tạo lợi ích cũng lại như vậy. Do lợi cùng với tâm ở nơi các hữu tình trụ vào tâm bình đẳng.

Do năm tướng ấy, nên các Bồ tát này đối với các hữu tình tâm luôn bình đẳng.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên đối với các hữu tình có thể tạo ra tất cả sự việc lợi ích. Những gì là năm? Đó là:

1. Nói, trao về chánh mạng để tạo lợi ích.

2. Đối với sự việc được tạo tác không tùy thuận có thể dẫn đến nghĩa lợi, Bồ tát nói, trao tùy thuận để tạo lợi ích.

3. Đối với các hữu tình không nơi nương nhờ, khổ sở bần cùng, Bồ tát khéo có thể vì họ làm chỗ nương nhờ để tạo lợi ích.

4. Nói, trao có thể đi tới con đường của cõi thiện để tạo lợi ích.

5. Nói, trao về ba thừa để tạo lợi ích.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên đối với các hữu tình có ân, hiện tiền báo đáp. Những gì là năm? Đó là:

1. Hữu tình an xứ khiến học đức của mình.

2. Tạo phương tiện an xứ, khiến học đức kẻ khác.

3. Hữu tình nghèo khổ không chốn nương dựa, tùy theo năng lực làm chỗ nương dựa cho họ.

4. Khuyến bảo khiến họ cúng dường chư Phật, Như lai.

5. Khiến họ, nơi trụ xứ của Phật được nghe thuyết giảng chánh pháp, thọ trì đọc tụng biên chép, cúng dường.

Lại, các Bồ tát ở năm thứ xứ thường nên vui, khen. Năm xứ ấy là:

1. Gặp Phật xuất thế, thường được thừa sự.

2. Nơi trụ xứ của chư Phật thường nghe sáu thứ Ba la mật đa nơi pháp của tạng Bồ tát.

3. Nơi tất cả chủng loại, luôn có uy lực để thành thực hữu tình.

4. Có thể đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng tinh tấn tu tập, mau chứng đắc.

5. Chứng đắc Bồ đề rồi, luôn khiến các đệ tử hòa hợp không tranh.

Lại, các Bồ tát do năm nhân duyên, nên đối với các hữu tình có thể tạo gia hạnh lợi ích không hư dối. Năm nhân duyên đó là:

Các Bồ tát đối với các hữu tình trước hết là nhằm tạo lợi ích an lạc. Đối với các hữu tình tạo lợi ích an lạc luôn nhận biết rõ như thật, không điên đảo. Tất cả nên gần gũi cùng dường như trong phẩm vô lượng đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, tụng nêu:

Gia hạnh không điên đảo

Thối chuyển cùng thắng tiến

Tương tợ công đức thật

Khéo điều phục hữu tình.

Nghĩa là các Bồ tát có năm gia hạnh, nên biết là thấu tóm khắp tất cả gia hạnh không điên đảo của Bồ tát. Năm gia hạnh đó là:

1. Gia hạnh tùy hộ.

2. Gia hạnh không tội.

3. Gia hạnh của lực xét chọn.

4. Gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng.

5. Gia hạnh gắn liền với quyết định.

- Thế nào là Gia hạnh tùy hộ của Bồ tát?

Nên biết Gia hạnh này lược có năm thứ:

1. Tùy hộ thông duệ: Nghĩa là do trí câu sanh mau chóng thấu tóm các pháp.

2. Tùy hộ chánh niệm: Nghĩa là do chánh niệm này, nên theo chỗ

pháp được thâm tóm, gìn giữ khiến không quên.

3. Tùy hộ chánh trí: Nghĩa là do chánh trí ấy, nên đối với pháp được gìn giữ khéo quán xét về nghĩa, chánh huệ thông đạt, xa lìa các nhân duyên của phần thối chuyển thuộc tùy thuận thông đạt, chánh niệm, giác huệ, gần hành các nhân duyên của phần tùy thuận trụ thặng.

4. Tùy hộ tự tâm: Tức có thể khéo gìn giữ các căn môn.

5. Tùy hộ tha tâm: Tức có thể đối với tha tâm tùy chuyển đúng đắn.

- Thế nào là Gia hạnh không tội của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với các pháp thiện hồi hướng tới đạo quả Bồ đề luôn thuận hợp, sáng tỏ vô lượng, không gián đoạn.

- Thế nào là Gia hạnh của lực xét chọn nơi Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi địa hành thắng giải, nên biết về tướng.

- Thế nào là Gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi địa ý lạc tịnh thắng cùng địa hành chánh hạnh, nên biết về tướng.

- Thế nào là Gia hạnh gắn liền với quyết định của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi các địa: Địa quyết định, địa hành quyết định, địa đến cứu cánh, nên biết về tướng.

Năm thứ gia hạnh của Bồ tát như thế, thâm tóm khắp cả gia hạnh không điên đảo.

Lại, các Bồ tát thuận nơi pháp thối phần, nên biết có năm thứ. Đó là:

1. Không tôn kính chánh pháp cùng pháp sư thuyết pháp.
2. Phóng dật, biếng nhác.
3. Gần gũi, chấp trước đối với các phiến não.
4. Đối với các hành ác thân cận, chấp trước.
5. Cùng với các Bồ tát khác so sánh hơn kém, khởi tăng thượng mạn, cùng với pháp khởi tăng thượng mạn điên đảo.

Lại, các Bồ tát thuận nơi pháp thắng phần, nên biết có năm. Những gì là năm?

Nghĩa là cùng với các pháp của năm phẩm đen ở trước, thứ lớp trái ngược, nên biết về tướng.

Lại, các Bồ tát lược có năm thứ công đức tương tự. Nên biết thật sự là lỗi lầm của Bồ tát. Đó là:

1. Nơi các hữu tình bạo ác, hủy phạm tịnh giới, do nhân duyên ấy nên Bồ tát không tạo tác lợi ích.

2. Trá hiện vô số oai nguy đầy đủ.

3. Ở trong các thứ văn từ, chú thuật thuận theo thế gian, các loại sách vở luận thuyết của ngoại đạo tương ứng, đạt được dự trí, cùng thông tỏ.

4. Tu tập các hành thiện như thí có tội..

5. Tuyên thuyết, kiến lập tương tự chánh pháp, khiến lưu hành rộng khắp.

Lại, các Bồ tát lược có năm thứ công đức chân thật. Đó là:

1. Ở chỗ các hữu tình bạo ác, hủy phạm tịnh giới, do nhân duyên ấy nên khởi tâm bi thù thắng.

2. Bản tánh thành tựu đầy đủ oai nguy.

3. Đối với pháp tịnh diệu, chân thật do Phật thuyết giảng, hoặc giáo hoặc chứng, đều đạt được dự trí cùng thông tỏ hết thảy.

4. Tu tập các hạnh thiện như thí vô tội..

5. Mở bày chỉ rõ về chánh pháp, ngăn, diệt tất cả các thứ tương tự chánh pháp.

Lại, các Bồ tát lược có đối với mười xứ, điều phục thuận hợp các hữu tình được hoá độ. Những gì là mười xứ?

1. Xứ xa lìa hành ác.

2. Xứ xa lìa các dục.

3. Xứ chuyên tinh không phạm, phạm rồi có thể ra khỏi.

4. Xứ hộ trì đầy đủ tất cả các căn môn.

5. Xứ trụ nơi chánh tri.

6. Xứ lìa mọi ồn tạp.

7. Nơi xứ xa lìa, xa lìa tất cả tâm tư xấu ác.

8. Xứ xa lìa chướng ngại.

9. Xứ xa lìa tất cả phiền não trời buộc.

10. Xứ xa lìa tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền

não.

Lại nữa, tụng nêu :

Các Bồ tát thọ ký

Gắn liền trong quyết định

Định tạo thường nên tạo

Là tối thắng, tối hậu.

Nghĩa là các Bồ tát lược do sáu tướng, nên được các Đức Như Lai, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, trao cho ký biệt (thọ ký).

- Những gì là sáu tướng?

1. Vị an trụ nơi chũng tánh, chưa phát tâm.
2. Vị đã phát tâm.
3. Vị hiện tiền.
4. Vị không hiện tiền.
5. Vị có định thời hạn.

Nghĩa là từng ấy thời gian sẽ chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

6. Vị không định thời hạn. Nghĩa là không nói rõ thời hạn quyết định mà thọ ký.

Lại, các Bồ tát lược có ba thứ gắn liền với quyết định đó là:

1. An trụ nơi chũng tánh, gắn liền với quyết định.
2. Phát tâm Bồ đề, gắn liền với quyết định.
3. Tu tập không hư dối gắn liền với quyết định.

- An trụ nơi chũng tánh, gắn liền với quyết định: Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi vị chũng tánh, nên gọi là Bồ tát gắn liền với quyết định. Vì sao? Vì do Bồ tát này hoặc gặp được thắng duyên, tất định có thể thực hiện đầy đủ việc tu tập, chứng đắc đẳng giác vô thượng.

- Phát tâm Bồ đề, gắn liền với quyết định: Nghĩa là có một loại các chũng Bồ tát, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, đã khởi tâm quyết định, sau đấy, cho đến chứng đắc đạo quả Bồ đề, không hề thối chuyển.

- Tu tập không hư dối gắn liền với quyết định: Nghĩa là các Bồ tát đã được tự tại, đối khắp tất cả hành tạo lợi ích cho hữu tình, như chỗ mong muốn của mình, hành tạo tu tập thuận hợp trọn không uổng phí.

Ở trong ba thứ gắn liền với quyết định ấy, dựa nơi vị gắn liền với quyết định sau cùng, chu Phật Như lai, quyết định thọ ký cho các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát lược có năm xứ, quyết định nơi chốn nên làm, nếu không hoàn thành, thì trọn không thể gánh vác, tu tập, chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Những gì là năm xứ? Đó là:

1. Pháp tâm Bồ đề.
2. Đối với các hữu tình sanh tâm thương xót sâu xa.
3. Luôn tinh tấn vượt bực.
4. Đối với các xứ minh, tạo phương tiện tu tập.
5. Không có chán mệt.

Lại, các Bồ tát đối với năm xứ, thường nên tạo tác. Năm xứ đó là:

1. Nơi xứ không phóng dật thường nên tạo tác.

2. Nơi chốn các hữu tình nghèo khổ, không chỗ nương dựa, thường nên vì họ tạo tác chỗ nương dựa.

3. Đối với các Đức Như lai thường nên cúng dường.

4. Thường nên nhận biết khắp các lỗi lầm, không lỗi lầm.

5. Tất cả sự tạo tác, hoặc hành hoặc trụ, trong các tác ý, tâm đại Bồ đề luôn là đứng đầu, dẫn đường.

Năm thứ như thế luôn là chỗ nên làm của các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát có mười thứ pháp, hết thấy Bồ tát đều cho là thù thắng, đặc biệt bậc nhất, kiến lập trong pháp tối thượng. Những gì là mười pháp?

1. Chủng tánh Bồ tát trong các chủng tánh là thù thắng bậc nhất.

2. Phát tâm đầu tiên, đối với các chánh nguyện là thù thắng tối thượng.

3. Tinh tấn, trí huệ, đối khắp tất cả Ba-la-mật-đa, là thù thắng bậc nhất.

4. Nhiếp sự ái ngữ, đối với các thứ nghiệp sự là thù thắng tốt bậc.

5. Như lai. Thế tôn đối với các hữu tình là thù thắng tối thượng.

6. Bi mẫn đối với hữu tình, nơi các vô lượng là thù thắng bậc nhất.

7. Tĩnh tự thứ tư, đối với các tĩnh tự là thù thắng tốt bậc.

8. Tam ma địa không, đối với ba đẳng trì là thù thắng bậc nhất.

9. Đẳng chí diệt tận, đối với các đẳng chí là thù thắng tốt bậc.

10. Như trước đã nói, phương tiện thiện xảo thanh tịnh hiện có, đối khắp với tất cả phương tiện thiện xảo, là thù thắng tốt cùng.

Lại nữa, tụng nêu:

Các nêu đặt, kiến lập

Tất cả pháp tâm tư

Cùng biết khắp như thật

Các vô lượng như vậy

Nói quả pháp thắng lợi

Tánh đại thừa gồm thâu

Bồ tát mười nên biết

Kiến lập các danh hiệu.

Nghĩa là các Bồ tát lược có bốn thứ nêu đặt kiến lập. Chỉ có Như Lai cùng các Bồ tát mới có thể nêu đặt, kiến lập đúng đắn, không phải tất cả những kẻ khác, hoặc trời hoặc người, hoặc các Sa-môn, hoặc các Bà-la-môn có thể kiến lập được, trừ khi được nghe rồi. Những gì là bốn?

1. Nêu đặt, kiến lập Pháp.
2. Nêu đặt, kiến lập Đế.
3. Nêu đặt, kiến lập Lý.
4. Nêu đặt, kiến lập Thừa.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập Pháp?

Nghĩa là Phật thuyết giảng mười hai phần Giáo như Tổ-đáp-lãm... theo thứ lớp kết tập, đặt yên, chế lập. Đó gọi là nêu đặt kiến lập Pháp.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập Đế?

Nghĩa là vô lượng chủng loại, hoặc lập một đế, là nghĩa không hư vọng, chỉ có một đế, không có cái thứ hai. Hoặc lập hai đế:

1. Đế thế tục.
2. Đế thắng nghĩa.

Hoặc lập ba đế:

1. Đế tướng.
2. Đế ngữ.
3. Đế dụng.

Hoặc lập bốn đế:

1. Đế khổ.
2. Đế tập.
3. Đế diệt.
4. Đế đạo.

Hoặc lập năm đế:

1. Đế Nhân.
2. Đế Quả.
3. Đế Trí.
4. Đế Cảnh.
5. Đế Thắng.

Hoặc lập sáu đế:

1. Đế đế.
2. Đế vọng.
3. Đế nên nhận biết khắp.
4. Đế nên vĩnh viễn đoạn dứt.
5. Đế nên tác chứng.
6. Đế nên tu tập.

Hoặc lập bảy đế:

1. Đế vị ái.
2. Đế quá hoạn (lỗi lầm).
3. Đế xuất ly.

4. Đế pháp tánh.
5. Đế Thắng giải.
6. Đế Thánh.
7. Đế phi Thánh.

Hoặc lập tám đế:

1. Đế tánh Hành khổ.
2. Đế tánh hoại khổ.
3. Đế tánh khổ khổ.
4. Đế Lưu chuyển.
5. Đế Hoàn diệt.
6. Đế Tạp nhiễm.
7. Đế thanh tịnh.
8. Đế chánh gia hạnh.

Hoặc lập chín đế:

1. Đế vô thường.
2. Đế khổ.
3. Đế không.
4. Đế vô ngã.
5. Đế có ái.
6. Đế không có ái.
7. Đế phương tiện đoạn.
8. Đế Niết bàn Hữu dư y.
9. Đế Niết bàn Vô dư y.

Hoặc lập mười đế:

1. Đế khổ bức thiết.
2. Đế khổ vì tài sản địa vị thiếu thốn.
3. Đế khổ vì Giới không bình đẳng, hoà hợp.
4. Đế khổ vì yêu thương bị biến hoại.
5. Đế vì thô trọng.
6. Đế Nghiệp.
7. Đế Phiền não.
8. Đế lắng nghe chánh pháp tác ý như lý.
9. Đế chánh kiến.
10. Đế quả của chánh kiến.

Các loại như vậy gọi là nêu đặt, kiến lập Đế. Nếu phân biệt rộng, nên biết là vô lượng.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập lý?

Nghĩa là bốn đạo lý. Như trước đã phân biệt rộng, nên biết.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập thừa?

Nghĩa là ba thừa:

- Thừa thanh văn.
- Thừa độc giác.
- Thừa lớn lao vô thượng.

Ba thừa như thế, mỗi mỗi thừa đều do bảy thứ hành tướng nêu đặt kiến lập. Đó gọi là nêu đặt kiến lập thừa.

- Bảy hành tướng của thừa Thanh-văn:

1. Đối với bốn thánh đế, huệ không điên đảo.
2. Huệ ấy là chỗ dựa.
3. Huệ ấy là đối tượng duyên.
4. Huệ ấy là loại bạn.
5. Huệ ấy là tạo nghiệp.
6. Huệ ấy là tư lương.
7. Huệ ấy đạt được quả.

Nên biết do bảy thứ hành tướng này nên nêu đặt kiến lập các thừa thanh văn được hoàn bị.

Như bảy thứ hành tướng nêu đặt kiến lập thừa thanh văn, thừa độc giác nên biết cũng thế.

- Bảy hành tướng của thừa lớn lao vô thượng:

1. Huệ xuất ly, duyên nơi sự lìa ngôn thuyết, chân như hiện có trong tất cả pháp, tánh bình đẳng không phân biệt.

2. Huệ này làm chỗ dựa.
3. Huệ này làm đối tượng duyên.
4. Huệ này làm loại bạn.
5. Huệ này làm tạo nghiệp.
6. Huệ này làm tư lương.
7. Huệ này đạt được quả.

Nên biết do bảy thứ hành tướng này, nên nêu đặt kiến lập đại thừa vô thượng một cách hoàn bị. Chư Phật nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai cùng các Bồ tát hiện có đã nêu đặt kiến lập thuận hợp, hoặc đã tạo tác, hoặc sẽ tạo tác, hoặc đang tạo tác, tất cả đều do bốn thứ như thế. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm.

Lại, các Bồ tát vì đạt được bốn thứ nhận biết khắp đúng như thật, nên đối với pháp khởi bốn tâm tư. Những gì là bốn tâm tư?

1. Tâm tư về tên gọi.
2. Tâm tư về sự.
3. Tâm tư về giả lập tự tánh.

4. Tầm tư về giả lập sai biệt.

Bốn thứ như thế, nếu phân biệt rộng, nên biết như phẩm Nghĩa chân thật ở trước.

Lại, các Bồ tát lược có bốn thứ, đối với tất cả pháp nhận biết khắp như thật. Đó là:

1. Tầm tư về tên gọi, dẫn đến nhận biết khắp như thật.

2. Tầm tư về sự, dẫn đến nhận biết khắp như thật.

3. Tầm tư về giả lập tự tánh, dẫn đến nhận biết khắp như thật

4. Tầm tư về giả lập sai biệt, dẫn đến nhận biết khắp như thật.

Bốn thứ, nếu phân biệt rộng, nên biết như nơi phẩm nghĩa chân thật ở trước.

Lại, các Bồ tát, đối với năm thứ vô lượng có thể khởi tất cả tác dụng thiện xấu. Những gì là năm vô lượng? Đó là:

1. Vô lượng hữu tình giới.

2. Vô lượng thế giới.

3. Vô lượng Pháp giới.

4. Vô lượng cảnh giới được điều phục.

5. Vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục.

- Thế nào là Vô lượng hữu tình giới?

Nghĩa là sáu mươi bốn chúng các hữu tình, gọi là hữu tình giới. Như nơi ý địa ở trước đã nêu dẫn đầy đủ. Nếu dựa vào sự tương tục thì có vô biên sai biệt.

- Thế nào là Vô lượng thế giới?

Nghĩa là vô lượng thế giới nơi mười phương, với vô lượng danh hiệu mỗi mỗi đều sai biệt. Như thế giới này gọi là Sách-ha (ta bà). Phạm vương của thế giới này gọi là Sách-ha chủ. Tất cả như thế đều nên nhận biết rõ.

- Thế nào là Vô lượng pháp giới?

Nghĩa là pháp thiện, bất thiện, vô ký, các loại đạo lý sai biệt như vậy nên biết là vô lượng.

- Thế nào là Vô lượng cảnh giới được điều phục?

Nghĩa là hoặc có một loại cảnh giới được điều phục, tất cả hữu tình có thể điều phục, là đồng một loại.

Hoặc có hai loại cảnh giới được điều phục:

1. Hoàn toàn bị trói buộc.

2. Không hoàn toàn bị trói buộc.

Hoặc có ba loại cảnh giới được điều phục:

1. Độn căn.
2. Trung căn.
3. Lợi căn.

Hoặc có bốn loại cảnh giới được điều phục:

1. Sát-đế-lợi.
2. Bà-la-môn.
3. Phệ-xá.
4. Thú-đạt-la.

Hoặc có năm loại cảnh giới được điều phục:

1. Hành Tham.
2. Hành Sân.
3. Hành Si.
4. Hành Mạn.
5. Hành Tâm Tư.

Hoặc có sáu loại cảnh giới được điều phục:

1. Tại gia.
2. Xuất gia.
3. Chưa thành thực.
4. Đã thành thực.
5. Chưa giải thoát.
6. Đã giải thoát.

Hoặc có bảy loại cảnh giới được điều phục:

1. Khinh chê.
2. Ở giữa.
3. Trí hiển bày rộng.
4. Trí lược mở.
5. Nơi hiện điều phục.
6. Nơi sẽ điều phục.
7. Duyên dẫn đến phục.

Nghĩa là gặp duyên như vậy như vậy tức như vậy như vậy chuyển biến.

Hoặc có tám loại cảnh giới được điều phục: Tức là tám bộ chúng, từ sát đế lợi cho đến Phạm chúng.

Hoặc có chín loại cảnh giới được điều phục:

1. Nơi hành hoá của Như-lai.
2. Nơi hành hoá của Thanh văn, Độc giác.
3. Chốn hành hóa của Bồ tát.

4. Khó điều phục.
5. Dễ điều phục.
6. Điều phục bằng ngôn ngữ mềm dịu.
7. Điều phục bằng quở trách, xua đuổi.
8. Điều phục xa.
9. Điều phục gần.

Hoặc có mười loại cảnh giới được điều phục:

1. Địa ngục.
2. Bàn sanh.
3. Thế giới diêm ma.
4. Người, trời thuộc cõi dục.
5. Trung hữu.
6. Có sắc.
7. Không sắc.
8. Có tướng.
9. Không tướng.
10. Phi tướng phi phi tướng.

Như thế là lược nói về phẩm loại sai biệt có năm mươi lăm giới. Nếu dựa vào đạo lý tương tục sai biệt, nên biết là vô lượng.

- Hỏi: Vô lượng hữu tình giới và vô lượng cảnh giới được điều phục có sai biệt gì?

Đáp: Tất cả hữu tình hoặc trụ nơi chủng tánh, hoặc chẳng trụ nơi chủng tánh, không có sai biệt, gọi chung là vô lượng hữu tình giới. Chỉ trụ nơi chủng tánh, các phần vị ấy chuyển mới được gọi là vô lượng cảnh giới được điều phục.

- Thế nào là vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục?

Nghĩa là như trước đã nói. Nên biết trong ấy cũng có vô lượng phẩm loại sai biệt.

- Hỏi: Vì sao nói chung về năm vô lượng này theo thứ lớp như vậy?

Đáp: Do các Bồ tát chuyên tinh tu tập, tạo lợi ích cho các hữu tình, vì thế trước hết là nói về vô lượng hữu tình giới. Các hữu tình này dựa nơi xứ sở có thể được thọ nhận sự hoá độ, nên tiếp theo là nói về vô lượng thế giới. Các hữu tình ấy, tại nơi thế giới của mình, do vô số pháp hoặc nhiễm hoặc tịnh sai biệt có thể đạt được, do đấy, thứ ba là nói về vô lượng pháp giới. Tức quán trong hữu tình giới như thế, có các hữu tình có thể gắng nhận lãnh, hoặc có uy lực lớn có thể giải thoát rốt ráo các khổ. Vì vậy, thứ bốn là nói về vô lượng cảnh giới được điều

phục. Chính do phương tiện thiện xảo như thế, khiến các hữu tình được giải thoát hoàn toàn, do đấy, thứ năm là nói về vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục. Thế nên nói: Bồ tát ở nơi năm thứ vô lượng này, có thể đầy khởi tất cả tác dụng thiện xảo.

Chư Phật Bồ tát vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp, nên biết có năm quả thắng lợi. Năm quả lớn đó là:

1. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sinh khởi pháp nhãn.

2. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, được dứt hết các lậu.

3. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, liền đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng phát tâm chánh nguyện.

4. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát giảng nói chánh pháp, chứng đắc chánh pháp nhãn tối thắng của bậc Bồ tát.

5. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp rồi, thọ trì đọc tụng, tu tập chánh hạnh, lần lược tạo phương tiện khiến mất chánh pháp trụ lâu không diệt.

Năm loại như thế, nên biết gọi là Quả thắng lợi lớn của Chư Phật, Bồ tát nêu giảng chánh pháp.

Các Bồ tát nhân nơi bảy đại tánh cùng tương ứng, nên gọi là đại thừa, những gì là bảy đại tánh? Đó là:

1. *Đại tánh về pháp*: Nghĩa là Tạng Bồ tát trong mười hai phần giáo thâm tóm giáo pháp phương quảng.

2. *Đại tánh về pháp tâm*: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng phát tâm chánh nguyện.

3. *Đại tánh về thắng giải*: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đối với đại tánh về pháp sanh tin hiểu thù thắng.

4. *Đại tánh về ý lạc tăng thượng*: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đã vượt qua địa hành thắng giải, chứng nhập địa ý lạc tịnh thắng.

5. *Đại tánh về Tư lương*: Nghĩa là hai thứ Tư lương phước đức và trí huệ đều tu tập viên mãn, có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

6. *Đại tánh về Thời*: Nghĩa là trải qua ba vô số đại kiếp mới chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng.

7. *Đại tánh về viên chứng*: Tức đối tượng được chứng đắc là quả vị Bồ đề vô thượng. Do tự thể của Bồ đề viên chứng ấy, so với Tự thể của công đức viên chứng khác, hãy còn không sánh bằng huống hồ là

có được hoặc hơn hoặc thêm. Nên biết ở đây, sáu thứ đại tánh nêu trước đều là nhân của đại tánh về viên chứng. Còn đại tánh về viên chứng là Quả của sáu thứ đại tánh nêu trước.

Có tám thứ pháp, có thể gồm thấu đầy đủ tất cả đại thừa:

1. Giáo pháp của Tạng Bồ tát.
2. Tức ở trong Tạng Bồ tát như thế, hiển bày giáo nghĩa của các pháp chân thật.
3. Tức ở trong Tạng Bồ tát như thế, hiển bày, chỉ rõ giáo pháp với uy lực rộng lớn, tối thắng, không thể nghĩ bàn của tất cả Chư Phật Bồ tát.
4. Đối với giáo pháp như trên đã nói, lắng nghe đúng như lý.
5. Tư duy như lý làm đầu, hướng tới ý lạc thù thắng.
6. Hướng tới ý lạc thù thắng làm đầu, nhập hướng tu hành.
7. Nhập tướng tu hành làm đầu, tu quả thành tựu viên mãn.
8. Tức do tu quả thành mãn như thế nên xuất ly rất ráo.

Như thế là Bồ tát siêng năng tu học rồi, tức có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Những gì là Bồ tát siêng năng tu học rồi, có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng? Nên biết Bồ tát lược có mười loại:

1. Trụ nơi chủng tánh.
2. Đã hướng nhập.
3. Ý lạc chưa tịnh.
4. Ý lạc đã tịnh.
5. Chưa thành thực.
6. Đã thành thực.
7. Chưa gắn liền với quyết định.
8. Đã gắn liền với quyết định.
9. Nhất sanh bỏ xứ.
10. Trụ nơi Hữu sau cùng.

Ở đây, tức Bồ tát trụ nơi chủng tánh phát tâm tu học, gọi là đã hướng nhập. Tức đã hướng nhập cho đến chưa nhập địa ý lạc tịnh, gọi là ý lạc tịnh. Nếu đã được nhập, gọi là ý lạc đã tịnh.

Tức ý lạc đã tịnh cho đến chưa nhập địa đến cứu cánh, gọi là chưa thành thực. Nếu đã được nhập, gọi là đã thành thực.

Trong chưa thành thực cho đến chưa được nhập nơi địa quyết định, địa hành quyết định, gọi là chưa quyết định. Nếu đã được nhập, gọi là đã quyết định. Trong “Đã thành thực” lại có hai loại:

1. Nhất sanh sở hệ (Nhất sanh bỏ xứ): Nghĩa là đời này không

gián đoạn, sẽ chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

2. Trụ nơi Hữu sau cùng: Tức trụ nơi đời này có thể chứng đắc quả Bồ đề vô thượng.

Như vậy, như nói từ đầu tiên là trụ nơi chủng tánh, nói rộng cho đến có thể chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, mười loại Bồ tát đối với việc tu học của Bồ tát đều có thể tu học đúng đắn.

Như vậy, nói về tất cả Bồ tát, nên biết lại có các loại như thế, không có sai biệt, tùy theo đức mà giả gọi. Đó là, gọi Bồ-đề-tát-đỏa, Ma-ha-tát-đỏa, thành tựu Giác huệ, chiếu sáng tối thượng, tối thắng chân tử, tối thắng trụ trì. Có khả năng hàng phục khắp, mằm mống tối thắng, cũng gọi là dũng kiện. Cũng gọi là tối thánh, cũng gọi là thượng chủ, cũng gọi là đại xưng. Cũng gọi là pháp sư.

Như vậy, vô lượng Bồ tát trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, nên biết mới có nội đức đều riêng, với vô lượng vô biên tướng hiệu giả lập. Hoặc các Bồ tát hiện tiền tự xưng: ta là Bồ tát, nhưng đối với việc học của Bồ tát, không tu tập đúng đắn, nên biết đó gọi là Bồ tát tương tự, không phải là Bồ tát chân thật. Nếu các Bồ tát hiện tiền tự xưng: ta là Bồ tát đối với việc tu học của Bồ tát có thể tu hành đúng đắn, nên biết đó gọi là Bồ tát chân thật.

